

Bản án số: 683/2023/DS-PT
Ngày: 26/6/2023
V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tú Oanh**

Các Thẩm phán:

1. Bà **Mai Thị Mỹ Tiên**

2. Bà **Nguyễn Thị Lan Hương**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ, cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Nguyễn Thị Diễm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/DSPT ngày 12/4/2023 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án sơ thẩm số 45/2023/DSST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1783/2023/QĐPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 6018/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2023, và quyết định hoãn phiên tòa số 7342/2023/QĐ-PT ngày 08/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Võ Thanh N, sinh năm: 1966, địa chỉ: Số 176 Tỉnh lộ K, Tổ S, ấp BH, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông Võ Văn M, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 75/4 Tỉnh lộ K, ấp BH, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2.2. Bà Võ Thanh T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 75/4 Tỉnh lộ K, ấp BH, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Phạm Huệ M1 (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Võ Thanh T1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 576 Tỉnh lộ K, ấp MK, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3.2. Bà Võ Thanh P, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 480 Tỉnh lộ K, ấp BT, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

3.3. Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ A, ấp BH, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3.4. Ông Nguyễn Trung T2, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 75/4A Tỉnh lộ K, ấp BH, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3.5. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 75/4 Tỉnh lộ 7, Tổ A, ấp BH, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3.6. Bà Võ Trúc L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 75/4 Tỉnh lộ 7, Tổ A, ấp BH, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 06/5/2020, nguyên đơn bà Võ Thanh N trình bày:

Cụ Võ Văn T3 (sinh năm 1934, chết năm 2017) và cụ Đỗ Thị C (sinh năm 1937, chết năm 2010). Cụ T3 và cụ C có tất cả 05 người con gồm: Ông Võ Văn M, bà Võ Thanh T, bà Võ Thanh N, ông Võ Thanh T1 và bà Võ Thanh P. Lúc sinh thời, cụ T3 và cụ C có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất diện tích đất 1.273 m², thuộc các thửa 1471, 1463-1, 1462-1, 1462-2, Tờ bản đồ số 1, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 24 QSDĐ/HTH do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho cụ C ngày 09/01/2004. Trên đất có 02 (hai) căn nhà: 01 căn của ông M, 01 căn của cha, mẹ do bà P đi hợp tác lao động tại Nhật Bản gửi tiền về xây dựng, hiện nay do bà T quản lý, sử dụng. Phần đất qua đo đạc thực tế diện tích là 1.231,5 m², chia làm 05 khu (đã trừ phần đất làm đường và phần ngoài ranh đất đã được cấp giấy chứng nhận) theo Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng: 25185/TTĐBĐ-CNCC của Trung tâm đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Cụ T3 và cụ C chết, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3 và cụ C chỉ có 05 người: Ông M, bà T, bà N, ông T1, bà P. Khi anh, chị, em bàn bạc để phân chia di sản thừa kế thì ông M và bà T không đồng ý nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là quyền sử dụng đất diện tích qua đo đạc thực tế là 1.231,5m² chia đều thành 05 phần bằng nhau, mỗi phần là 246,3m². Bà N đồng ý chỉ tính chung giá đất tranh chấp theo giá đất vườn tại Biên bản định giá ngày 22/12/2021 của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/m². Đồng thời, bà N đồng ý giao cho ông M phần đất trên có căn nhà của ông M, giao cho bà T phần đất có căn nhà của cha, mẹ (theo sơ đồ phân khu mà bà N đã hướng dẫn ranh đo đạc) và không tranh chấp giá trị căn nhà của cha mẹ để lại. Bà N xin nhận phần đất được phân Khu 2 và đồng ý cùng sử dụng đất với ông T1 nếu diện tích đất được chia thừa kế không đủ tách thửa theo quy định của pháp luật. Bà tự nguyện chịu chi phí định giá, chi phí đo đạc.

Đối với việc bà T đưa ra Giấy cam kết đề ngày 09/6/2008, được Ủy ban nhân dân xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi chứng thực ngày 09/6/2014, để cho rằng bà T được cụ C cho ở vĩnh viễn trên căn nhà của cha, mẹ và yêu cầu chia thêm một phần thừa kế thì bà N không đồng ý. Bởi lẽ, Giấy cam kết mà bà T trình bày lập không đúng quy định vì khi lập văn bản thì cụ T còn sống, cụ C không thể một mình quyết định. Đồng thời văn bản cam kết này được xác lập ngày 09/6/2008, nhưng mãi đến ngày 09/6/2014 mới được Ủy ban nhân dân xã Thái Mỹ chứng thực là không khách quan.

Ông Võ Văn M, bà Võ Thanh T, ông Võ Thanh T1, bà Võ Thanh P thống nhất lời trình bày của bà N về thời điểm cụ T và cụ C chết; thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của cụ T, cụ C gồm: Ông M, bà T, bà N, ông T1, bà P; thống nhất nguồn gốc di sản các cụ để lại là phần đất diện tích thực tế 1.231,5 m², trên đất có 02 căn nhà: 01 căn của ông M, 01 căn của cha, mẹ để lại do bà T quản lý, sử dụng (sau khi trừ đường và các thửa đất ngoài ranh giấy chứng nhận) thuộc các thửa 1471, 1463-1, 1462-1, 1462-2, Tờ bản đồ số 1 (TL 299/TTg), xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi; thống nhất giá đất tranh chấp là 1.500.000 đồng/m²; không tranh chấp giá trị căn nhà của cha, mẹ để lại.

- Ông Võ Thanh T1 thống nhất với lời trình bày của bà N, ông có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án chia đều di sản thừa kế là diện tích đất 1.231,5m² cho 05 (năm) anh, chị, em, mỗi người một phần bằng nhau, phần của ông T1 là 246,3m². Ông đồng ý giao cho ông M hưởng phần đất có căn nhà của ông M; giao cho bà T hưởng phần đất có căn nhà của cha mẹ; đồng ý nhận phần di sản mà bà P cho ông khi được chia thừa kế; đồng ý nhận phần đất thuộc Khu 1 và Khu 5 để cùng sử dụng chung thửa đất với bà N nếu diện tích đất được hưởng không đủ tách thửa theo quy định của pháp luật. Phần ông M và bà T nhận (theo sơ đồ phân khu) nhiều hơn kỹ phần được hưởng thì phải hoàn trả bằng tiền cho ông T1 theo giá đất đã thống nhất. Ông không đồng ý theo Giấy cam kết mà bà T đưa ra để yêu cầu được hưởng nhà đất của cha mẹ để lại và hưởng thêm một phần thừa kế.

- Ông Võ Văn M trình bày vào năm 2000, khi cha mẹ còn sống có kêu ông về cho một phần đất trên diện tích 1.273m² của cha, mẹ để xây dựng nhà ở. Khi xây nhà, ông M xây dựng 02 (hai) căn nhà: 01 căn ông M ở, 01 căn cụ T và cụ C ở. Việc xây dựng nhà ở trên đất tất cả các anh, em đều biết, không ai ngăn cản. Ông được chính quyền địa P cấp hộ khẩu. Năm 2008, cụ C có cho bà Võ Thanh T cùng cháu Nguyễn Trung T2 về ở chung nhà cha, mẹ, có làm Giấy cam kết cho ở vĩnh viễn không ai được tranh chấp, được chứng thực tại UBND xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi. Sau đó, cha, mẹ tiếp tục cho cháu Nguyễn Thị Kim N1 về cho cất nhà ở riêng trên đất để ổn định cuộc sống. Do đó, ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế phần đất diện tích thực tế 1.231,5m² thuộc các thửa 1471, 1463-1, 1462-1, 1462-2, Tờ bản đồ số 1 (TL 299/TTg), xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đất cho ông M và bà T tiếp tục quản lý, sử dụng. Trường hợp Tòa án chia thừa kế thì ông yêu cầu được chia phần đất có căn nhà của ông xây dựng.

- Bà Võ Thanh T thống nhất với lời trình bày của ông M. Bà T và con là anh Tính được cụ C làm Giấy cam kết cho ở vĩnh viễn căn nhà của cha, mẹ, được Ủy ban nhân dân xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi chứng thực. Gia đình bà T đã ở ổn định một

thời gian dài trên đất là hơn 10 năm, không ai tranh chấp. Do đó, bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N chia thừa kế diện tích 1.231,5m² đất thuộc xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà yêu cầu được hưởng phần nhà, đất cụ C cho bà ở vĩnh viễn và chia thêm một phần thừa kế theo luật.

- Bà Võ Thanh P trình bày: Bà là người đi hợp tác lao động tại Nhật Bản gửi tiền về xây dựng nhà cho cha, mẹ. Nay cha, mẹ đã chết, không để lại di chúc. Bà N, ông T1 yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 1.231,5m² thì bà P không có ý kiến gì. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà N, ông T1 chia di sản thừa kế thì phần bà P được hưởng bà đồng ý cho anh là ông T1. Bà xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

- Chị Nguyễn Thị Kim N1 trình bày: Vào năm 2008, ông bà ngoại của chị N1 (cụ T, cụ C) có cho chị N1 một mảnh đất tại ấp Bình Hạ Tây, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, phần đất này nằm ngoài diện tích đất 1.231,5m² bà N đang khởi kiện, để chị N1 xây dựng nhà cùng con trai Phan Nguyễn Thanh H sinh ngày 07/01/2009 ở. Chị N1 cất nhà ở trên đất đã hơn 10 năm, không ai có ý kiến. Nay bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất 1.231,5m² không liên quan đến phần nhà đất chị N1 đang quản lý, sử dụng nên chị không có ý kiến.

- Bà Nguyễn Thị N2, chị Võ Trúc L là vợ và con của ông M thống nhất với lời trình bày của ông M. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Trung T2 thống nhất với lời trình bày của mẹ là bà T. Anh tính có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại Bản án sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 14/2/2023 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 611, 612, Điều 623, Điều 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 689, Điều 723 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 167, điểm đ khoản 1 Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013; Áp dụng Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3, Điều 3 và khoản 2 Điều 6 của Quyết định số 60/2017/QĐUBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định diện tích tối thiểu được tách thửa.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thanh N; yêu cầu độc lập của ông Võ Thanh T1.

Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ T và cụ C để lại là quyền sử dụng đất diện tích thực tế 1.231,5m² thuộc các thửa 1471, 1463-1, 1462-1, 1462-2, Tờ bản đồ số 1, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 24 QSDĐ/HTH do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho cụ C ngày 09/01/2004, đo đạc thực tế tại Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng 25185/TTĐĐBĐ

CNCC của Trung T Đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

Ông Võ Văn M được chia quyền sử dụng đất diện tích 288,4m² trên có căn nhà do ông M xây dựng tại Khu 3 của Bản đồ hiện trạng, vị trí số hợp đồng 25185/TTĐĐBĐ-CNCC do Trung T Đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 23/11/2020.

Bà Võ Thanh T được chia quyền sử dụng đất diện tích 284,4m² trên có căn nhà của cụ Tầm và cụ C tại Khu 4 của Bản đồ hiện trạng, vị trí số hợp đồng 25185/TTĐĐBĐ-CNCC do Trung tâm đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 23/11/2020.

Ông M và bà T được quyền đăng ký cùng sử dụng các thửa đất được chia nêu trên.

Bà Võ Thanh N được chia quyền sử dụng đất diện tích 246,3m² tại Khu 2 của Bản đồ hiện trạng, vị trí số hợp đồng 25185/TTĐĐBĐ-CNCC do Trung tâm đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 23/11/2020.

Ông Võ Thanh T1 được chia quyền sử dụng đất diện tích tổng cộng 412,4m² tại Khu 1 và Khu 5 của Bản đồ hiện trạng, vị trí số hợp đồng 25185/TTĐĐBĐ-CNCC do Trung tâm đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 23/11/2020.

Bà N và ông T1 được quyền đăng ký cùng sử dụng các thửa đất được chia nêu trên. Ông M có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền 63.150.000 (sáu mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng, phần giá trị bằng tiền do chênh lệch đất được hưởng hơn 1 kỷ phần. Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà T có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền 57.239.000 (năm mươi bảy triệu hai trăm ba mươi chín nghìn) đồng, phần giá trị bằng tiền do chênh lệch đất được hưởng hơn 1 kỷ phần. Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông M, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.472.500 đồng.

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.472.500 đồng, nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0083997 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà N phải nộp thêm 13.472.500 (mười ba triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.945.000 đồng, nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0084880 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông T1 phải nộp thêm 31.945.000 (ba mươi một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên án quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

- Ngày 28/2/2023, bị đơn ông Võ Văn M, bà Võ Thanh T nộp đơn kháng cáo. Ông Võ Văn M kháng cáo với nội dung: Đồng ý chia diện tích đất của cha mẹ để lại nhưng xem xét được chia phần đất có trọn vẹn căn nhà, công trình phụ và công nhà như hiện trạng sử dụng từ trước đến nay để có điều kiện sinh hoạt cũng như là công sức của ông M trong việc giữ gìn, tôn tạo diện tích đất này và chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống. Bà Võ Thanh T kháng cáo với nội dung: Đồng ý chia diện tích đất của cha mẹ để lại nhưng xem xét được chia phần trọn vẹn diện tích đất có căn nhà của cha mẹ để lại và chia phần đất trống bên hông nhà để có điều kiện sinh hoạt cũng như là công sức của bà T trong việc giữ gìn, tôn tạo diện tích đất này và chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DSST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về tố tụng:

Kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn M, bà Võ Thanh T làm đúng hình thức, trong hạn luật định nên được công nhận về mặt hình thức.

[2] - Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn M với nội dung: Đồng ý chia diện tích đất của cha mẹ để lại nhưng không đồng ý với diện tích đất được chia, yêu cầu được chia phần đất có trọn vẹn căn nhà, công trình phụ và công nhà của tôi như hiện trạng sử dụng từ trước đến nay xem như đó là công sức của ông M trong việc gìn giữ, tôn tạo diện tích đất này và chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống; nội dung kháng cáo của bà Võ Thanh T: Đồng ý chia diện tích đất của cha mẹ để lại nhưng không đồng ý với diện tích đất được chia, yêu cầu được chia phần

đất có trọn vẹn căn nhà, và chia thêm một phần đất trồng bên hông xem như đó là công sức của bà T trong gìn giữ, tôn tạo diện tích đất này và chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống, đồng thời do khi còn sống mẹ bà có làm giấy cam kết để cho bà và con về ở chung nhà và khi mẹ bà qua đời, bà và con bà vẫn được ở nhà đất này vĩnh viễn mà không ai được quyền tranh chấp hay khiếu nại, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ hình thức mà bác bỏ toàn bộ giấy cam kết là không đúng.

Hội đồng xét xử xét thấy,

Tất cả các đương sự đều thừa nhận tài sản phân chia là di sản của cha mẹ để lại, chỉ riêng bà T cho rằng căn cứ Giấy cam kết ngày 09/6/2008 của cụ C làm cho bà T ở vĩnh viễn căn nhà của cha, mẹ, được Ủy ban nhân dân xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi chứng thực thì phần nhà đất bà T đang sử dụng thuộc về bà T. Tuy nhiên, Giấy cam kết ngày 09/6/2008 không thể hiện nội dung là việc cho, tặng hoặc cho thừa kế tài sản mà chỉ là cho ở; mặt khác cụ C một mình lập giấy tại thời điểm ngày 09/6/2008 khi người đồng sở hữu tài sản chung vợ chồng là cụ T vẫn còn sống; giấy chứng nhận được Ủy ban nhân dân xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi chứng thực ngày 09/6/2014 khi cả hai cụ đã chết. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến trình bày của bà T về việc được cụ C tặng cho nhà, đất theo Giấy cam kết để ngày 09/6/2008 là có cơ sở và đúng pháp luật.

Ý kiến của ông M, bà T về công sức trong việc gìn giữ, tôn tạo diện tích đất này và chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống, các bên không đưa ra được chứng cứ cụ thể về công sức trong việc gìn giữ, tôn tạo diện tích đất này mà theo trình bày của các đương sự thì căn nhà được giao cho bà T do tiền của bà P đi hợp tác lao động tại Nhật Bản gửi tiền về xây dựng. Việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ đều do các anh em trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M, bà T kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho căn cứ kháng cáo của mình; ngoài ra, các lý do kháng cáo của ông M, bà T là không có căn cứ và việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở, áp dụng đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm : Do kháng cáo của ông M, bà T không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuy nhiên do ông M thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm và miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 611, 612, Điều 623, Điều 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 689, Điều 723 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 167, điểm đ khoản 1

Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013; Áp dụng Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3, Điều 3 và khoản 2 Điều 6 của Quyết định số 60/2017/QĐUBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định diện tích tối thiểu được tách thửa.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn M, bà Võ Thanh T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 14/2/2023 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thanh N; yêu cầu độc lập của ông Võ Thanh T1.

Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ T và cụ C để lại là quyền sử dụng đất diện tích thực tế 1.231,5m thuộc các thửa 1471, 1463-1, 1462-1, 1462-2, Tờ bản đồ số 1, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 24 QSDĐ/HTH do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho cụ C ngày 09/01/2004, đo đạc thực tế tại Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng 25185/TTĐĐBĐ-CNCC của Trung tâm đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

Ông Võ Văn M được chia quyền sử dụng đất diện tích 288,4m² trên có căn nhà do ông M xây dựng tại Khu 3 của Bản đồ hiện trạng, vị trí số hợp đồng 25185/TTĐĐBĐ-CNCC do Trung tâm đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 23/11/2020.

Bà Võ Thanh T được chia quyền sử dụng đất diện tích 284,4m² trên có căn nhà của cụ Tầm và cụ C tại Khu 4 của Bản đồ hiện trạng, vị trí số hợp đồng 25185/TTĐĐBĐ-CNCC do Trung tâm đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 23/11/2020.

Ông M và bà T được quyền đăng ký cùng sử dụng các thửa đất được chia nêu trên.

Bà Võ Thanh N được chia quyền sử dụng đất diện tích 246,3m² tại Khu 2 của Bản đồ hiện trạng, vị trí số hợp đồng 25185/TTĐĐBĐ-CNCC do Trung tâm đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 23/11/2020.

Ông Võ Thanh T1 được chia quyền sử dụng đất diện tích tổng cộng 412,4m² tại Khu 1 và Khu 5 của Bản đồ hiện trạng, vị trí số hợp đồng 25185/TTĐĐBĐ-CNCC do Trung tâm đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 23/11/2020.

Bà N và ông T1 được quyền đăng ký cùng sử dụng các thửa đất được chia nêu trên. Ông M có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền 63.150.000 (sáu mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng, phần giá trị bằng tiền do chênh lệch đất được hưởng hơn 1 kỷ phần. Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà T có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền 57.239.000 (năm mươi bảy triệu hai trăm ba mươi chín nghìn) đồng, phần giá trị bằng tiền do chênh lệch đất được hưởng hơn 1 kỷ phần. Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông M, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

(Kèm theo là Sơ đồ phân khu có bảng liệt kê tọa độ góc ranh từng khu được Hội đồng xét xử phân chia dựa trên Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng 25185/TTĐDBĐ-CNCC do Trung tâm đo đạc bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện).

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.472.500 (mười tám triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.472.500 (mười tám triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm) đồng, nhưng được căn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0083997 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà N phải nộp thêm 13.472.500 (mười ba triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.945.000 (ba mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng, nhưng được căn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0084880 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông T1 phải nộp thêm 31.945.000 (ba mươi một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Án phí dân sự phúc thẩm : Bà bà Võ Thanh T phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 00016007 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã thi hành xong.

- Ông Võ Văn M được miễn án phí phúc thẩm.

2.4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Củ Chi;
- Chi cục THA DS huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Tú Oanh